

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

Bản án số: 16/2020/HS-ST
Ngày 24/7/2020

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ
Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị T

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị T và Bà Lê Thị T

Thư ký phiên tòa: Ông Lâu Văn C, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:
Ông Trương Văn P - Kiểm sát viên.

Ngày 24/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2020/TLST-HS ngày 12/6/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HS ngày 10/7/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Mai Thị N. Sinh năm: 1990. Quê quán: xã Nga Mỹ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Khu 7, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông: Mai Văn D - Đã chết. Con bà: Mai Thị H - Sinh năm: 1971. Chỗ ở hiện nay: Khu 7, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chồng: Lê Hữu T - Sinh năm: 1992 (Đã ly hôn năm 2019). Có 02 người con. Lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo sinh ra được bố mẹ nuôi dưỡng, cho đi học hết lớp 12/12. Đến tuổi trưởng thành thì lập gia đình, sinh sống tại thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Hiện tại bị cáo đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 01/LCĐKNCT-TAML ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

2. Họ và tên: Trần Thị N; Sinh năm: 1988. Quê Quán: Thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Bản Cối Khiêu, xã Phú Nghiêm,

huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: 06/12.

Con ông: Trần Thanh S - Đã chết. Con bà: Phạm Thị N, sinh năm: 1968. Chỗ ở hiện nay: Bản Cối Khiêu, xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chồng: Lê Văn S, sinh năm: 1983; Có 02 người con. Lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện tại bị cáo N đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 02/LCĐKNCT-TAML ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Người có Quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Mai Thị H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Khu 7, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 26/02/2020 bị cáo N gọi điện thoại rủ bị cáo N đi tìm mua quả thuốc phiện về làm thuốc chữa bệnh, N đồng ý. N gọi điện thoại cho một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, chỉ biết là công dân Nước CHDCND Lào để hỏi mua quả thuốc phiện (N biết người này là qua một lần giao hàng nông sản). Buổi chiều cùng ngày, người này gọi điện thoại lại cho N và hỏi N muốn mua bao nhiêu tiền, N trả lời mua số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng), người này đồng ý và hẹn N đến sáng hôm sau lên khu vực bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa sẽ có người đem quả thuốc phiện sang giao cho Nhung. Ngày 27/02/2020, các bị cáo đi chung một xe mô tô, hiệu ATTILA, biển kiểm soát: 36Z5-0241 lên huyện Mường Lát để mua quả thuốc phiện như đã hẹn. Trên đường đi, N dùng điện thoại của N gọi cho người đàn ông Nước Lào đã hẹn trước, người này chỉ đường đến chỗ cất giấu quả thuốc phiện. Theo chỉ dẫn, các bị cáo đi đến khu đất trống đối diện quán tạp hóa T G thuộc bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát thì nhìn thấy 03 bao bì nilon và 01 balo túi xách bên trong đựng quả thuốc phiện. N và N liền lấy số quả thuốc phiện đó lên xe mô tô, đồng thời Nhung để lại số tiền 8.000.000 đồng phía dưới một tấm gỗ ngay tại đó (số tiền này do các bị cáo góp mỗi người 4.000.000 đồng để mua quả thuốc phiện). Các bị cáo điều khiển xe mô tô chở theo quả thuốc phiện quay về nhà. Khoảng 04 giờ 50 phút ngày 27/02/2020, các bị cáo đến khu vực Trung tâm y tế xã Trung Lý, huyện Mường Lát thì bị tổ công tác Công an huyện Mường Lát kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ toàn bộ số quả thuốc phiện nêu trên. Ngoài ra, bị cáo N còn bị thu giữ 01 xe mô tô như trên, đã qua sử dụng; bị cáo N bị thu một điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, đã qua sử dụng.

Tại bản Kết luận giám định số: 879/PC09 ngày 29/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

- Các quả hình bầu dục màu xanh, kích thước to nhỏ khác nhau của thùng xốp kí hiệu T1 gửi giám định là quả thuốc phiện, có tổng khối lượng 9,8 kg (chín phẩy tám kilogam).

- Các quả hình bầu dục màu xanh, kích thước to nhỏ khác nhau của thùng xốp kí hiệu T2 gửi giám định là quả thuốc phiện, có tổng khối lượng 8,1 kg (tám phẩy một kilogam).

- Các quả hình bầu dục màu xanh, kích thước to nhỏ khác nhau của thùng xốp kí hiệu T3 gửi giám định là quả thuốc phiện, có tổng khối lượng 6,8 kg (sáu phẩy tám kilogam).

- Các quả hình bầu dục màu xanh, kích thước to nhỏ khác nhau của thùng xốp kí hiệu T4 gửi giám định là quả thuốc phiện, có tổng khối lượng 8,1 kg (tám phẩy một kilogam).

Quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo là thống nhất, phù hợp với lời khai người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 14/CT-VKS-MT ngày 10/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố các bị cáo về tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy*, quy định tại Điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải và công nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố: các bị cáo về tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy*

Về điều luật: Áp dụng: Điều 260 BLTTHS; Điều 38; điểm s khoản 1 điều 51; Điều 58; Điểm đ khoản 1 điều 249 của Bộ luật Hình sự cho cả hai bị cáo.

Về hình phạt: Bị cáo Mai Thị N từ **26** đến 28 tháng tù.

Bị cáo Trần Thị N từ **24** đến **26** tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ đi 03 (Ba) ngày đã bị tạm giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, vì các bị cáo làm nghề buôn bán dạo, thu nhập thấp hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Bị cáo Nga đang mang thai, bị cáo Nhung đang nuôi con nhỏ nên không có tính khả thi.

Về vật chứng: Xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Các Bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình, các bị cáo khai nhận, biết rõ hành vi tàng trữ trái phép quả thuốc phiện là vi phạm pháp luật và bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do có nhiều người mách quả thuốc phiện ngâm rượu sẽ chữa được nhiều bệnh nên đã cố tình vi phạm pháp luật. Các bị cáo công nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, các bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận tội, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS. Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp nhất để các bị cáo sớm được về với gia đình để nuôi dạy các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Xét về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo:* Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định và chứng cứ khác trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định: Các bị cáo N và N đã tàng trữ trái phép chất ma túy là **32,8 (Ba hai phẩy tám)** kg quả thuốc phiện nhằm mục đích ngâm rượu làm thuốc chữa bệnh, đã cấu thành tội: *Tàng trữ trái phép chất ma túy*, quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, mục đích của các bị cáo là mua về ngâm rượu làm thuốc chữa bệnh, bị cáo N rủ bị cáo N nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo N. Hành vi của các bị cáo là xâm phạm chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà Nước. Làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Với tính chất vụ án, hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của các bị cáo; Trọng lượng quả thuốc phiện (Do chưa có kỹ thuật giám định quả thuốc phiện khô, quả thuốc phiện tươi. Áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo nên HĐXX chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, tính quả thuốc phiện các bị cáo tàng trữ là quả thuốc phiện khô để áp dụng hình phạt cho các bị cáo). Như vậy, các bị cáo tàng trữ quả thuốc phiện đã đủ yếu tố cấu thành tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy*, quy định

tại điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại các cơ quan tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS.

Với các tình tiết này HĐXX xem xét xử các bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của mỗi bị cáo thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[4] Xét về hình phạt: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt cho bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội và khối lượng chất ma túy thu giữ, đã đủ sức răn đe, phòng ngừa chung.

Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, cho thấy các bị cáo làm nghề buôn bán, thu nhập thấp và không ổn định. HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo.

[5] Xét về vật chứng trong vụ án:

Đối với vật chứng là toàn bộ số ma túy (quả thuốc phiện) còn lại sau giám định, 02 bao bì nilon màu xanh; 01 bao bì nilon màu hồng và 01 ba lô (túi xách) màu xanh là tang vật của vụ án cần tịch thu tiêu hủy.

Tài sản tạm giữ trong vụ án gồm: 01 điện thoại di động là đồ dùng cá nhân của bị cáo Nga nên trả lại cho bị cáo N. Chiếc xe mô tô thu giữ trong vụ án, đã xác minh được là tài sản hợp pháp của bà Mai Thị H, sinh năm 1971, hiện đang cư trú tại: Khu 7, thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Khi mượn xe máy bị cáo N nói là đi bán hàng, bà H không biết và liên quan đến hành vi phạm tội của N và N nên không phải chịu trách nhiệm hình sự. Trả lại xe mô tô cho bà H là hợp lý.

Vật chứng của vụ án hiện đang được bảo quản tại kho tang vật Chi cục THADS huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

[6] Xét về phần án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phạm tội, nên phải chịu án phí HSST và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Các nhận định khác:

Người đàn ông công dân Nước CHDCND Lào (theo lời khai của các bị cáo) là người đã bán quả thuốc phiện cho các bị cáo thì Cơ quan CSĐT không có căn cứ để xác minh làm rõ, vì các bị cáo không biết tên, tuổi và địa chỉ cụ thể người này.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên: Các bị cáo Mai Thị N và Trần Thị N phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

Áp dụng: Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điểm đ khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự cho cả hai bị cáo.

Xử phạt:

- Hình phạt chính:

Bị cáo: Mai Thị N **26** (*Hai sáu*) tháng tù, được trừ đi 03 (*Ba*) ngày đã bị tạm giữ. Thời gian còn lại bị cáo phải thi hành là **25** (*Hai năm*) tháng **27** (*Hai bảy*) ngày.

Bị cáo Trần Thị N **24** (*Hai bốn*) tháng tù, được trừ đi 03 (*Ba*) ngày đã bị tạm giữ. Thời gian còn lại bị cáo phải thi hành là **23** (*Hai ba*) tháng **27** (*Hai bảy*) ngày.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo tính từ ngày đi chấp hành án.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về tang vật: Áp dụng điểm c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ số ma túy (quả thuốc phiện) còn lại sau giám định, 02 bao bì nilon màu xanh; 01 bao bì nilon màu hồng và 01 ba lô (túi xách) màu xanh là tang vật của vụ án.

- Trả lại cho bà Mai Thị H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu 7, thị trấn Hội Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa xe mô tô nhãn hiệu ATTILA, màu sơn đỏ - xám, BKS: 36Z5-0241, số khung: 12CD9D009379, số máy: VT3A-D009379, xe đã qua sử dụng;

- Trả lại cho bị cáo Trần Thị N điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, số IMEL 1: 354194109805989; số IMEL 2: 354199100805987, đã qua sử dụng.

Vật chứng kê trên đang lưu giữ, bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, theo Quyết định chuyển vật chứng số 10/QĐ-VKS-ML, ngày 10/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát và Biên bản giao nhận vật chứng số 23/TV-CCTHADS ngày 10/6/2020 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát.

Về án phí: Áp dụng điều 135, điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ điều 331, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai; có mặt các bị cáo, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có QLNVLQ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Công an H. Mường Lát;
- Cơ quan THAHS - CA huyện Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND TT Hội Xuân, H. Quan Hóa;
- UBND xã Phú nghiêm, H. Quan Hóa;
- Các bị cáo;
- Người có QL&NVLQ;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Ngô Thị T